

Duy tâm tạo

(...kinh Hoa Nghiêm...)

Trong Kinh Hoa Nghiêm [1] giảng luận của HT Thích Trí Tịnh, ở phần thay lời tựa HT Thích Đức Niệm viết :

"Tư tưởng Hoa Nghiêm trình bày **vạn pháp do tâm sanh**. Tâm là thực thể của vạn pháp. Tâm vọng thì vạn pháp hoạt hiện sai biệt hình hình sắc sắc, trùng trùng duyên khởi, cái này có cái kia có như lưới để châu. Tâm chơn thì pháp giới tánh với Tâm là một, vạn pháp đồng nhất thể. Tâm thanh tịnh thì thấu đạt chơn lý Phật tánh, suốt thông pháp giới vô ngại, thể nhập bất tư nghi giải thoát hạnh môn. Kinh Hoa Nghiêm, đức Phật chỉ cho chúng sanh thấu rõ cội nguồn của xum la vạn tượng do mê thức vọng tưởng nghiệp duyên hình thành, các pháp hiện hành trong vũ trụ là huyễn hóa, như hoa trong gương, như trăng trong nước. Tất cả vạn pháp trong pháp giới đều từ tâm sanh. Tâm trùm khắp cả pháp giới. Tất cả vạn hữu vũ trụ có thể nằm gọn trong hạt cải. Hạt cải có thể thâm nhiếp tất cả vũ trụ vạn pháp. Thể tánh của Tâm nhiếp thâm tất cả. Tất cả là một, một là tất cả. "

(...Duy thức học...)

Trong bài Duy Thức học [2] của Thích Từ Thông, "**vạn pháp Duy Thức**" chữ thức trong từ Duy thức là "Nhất thiết chủng" cũng gọi là "Tàng thức", cũng gọi là "Dị thực thức". Thức này chứa đựng hết thấy chủng tử hạt nhân của vạn vật hiện tượng, chứa đựng hết thấy khái niệm, nhận thức và tư duy của các loại hữu tình.

Hạt nhân của vạn vật hiện tượng tuy nhiều tựu trung gồm trong ba loại: khoáng vật, thực vật và động vật. Qua cái nhìn của nhà Phật học thì "Nhất thiết chủng thức" chứa đựng bảy thứ có tánh chất phổ biến là: Địa đại, Thủy đại, Hỏa đại, Phong đại, Không đại, Kiến đại và Thức đại.

Từ những chất liệu hạt nhân đó, chuyển biến sinh hóa, tác động tương quan qua lại với nhau mà hình thành sự vật hiện tượng vạn pháp. Những hạt nhân trong Nhất thiết chủng thức biến chuyển sinh hóa từng sát na không ngừng theo tiến trình phát triển, tiến hóa để rồi thành sự vật hiện tượng vạn pháp từ giản đơn dần dần đến phức tạp. Sự tác dụng qua lại, sự kết hợp để hình thành một sự vật hiện tượng đó chính là quá trình Duy Thức Biến.

Hạt nhân của vạn pháp vẫn chưa phải là nguyên tố duy nhất khởi đầu để sinh ra vạn vật hiện tượng mà hạt nhân của vạn pháp phải tác động qua lại với nhau mới phát triển, mới tiến hóa hình thành vạn vật hiện tượng. Điều đó cắt nghĩa cho ta thấy rõ ràng sự biến hóa của Duy Thức và giáo lý Duyên Sinh của đạo Phật là chân lý hiển nhiên. Hiện tượng vạn vật vô tri gọi là sở biến, khái niệm nhận thức tư duy được gọi là năng biến. Năng biến, sở biến đều là sản phẩm cơ bản, sản phẩm hạt nhân hiện hữu một cách tự nhiên của Nhất thiết chủng thức. Sự hiện hữu này, Duy Thức Học gọi là "Bất khả tri"!

(...bài viết...)

Để hiểu kinh điển Phật giáo, nếu dùng trí thức thuần túy để phân tích, suy luận và diễn giải thì không thể nào đầy đủ được, và cũng chưa chắc là đúng. Người ta phải hiểu bằng trí tuệ Bát Nhã, bằng trực giác, bằng linh cảm, bằng tất cả cái tâm của mình.

Trong bài viết này, tôi xin trình bày cái hiểu của mình qua câu « **vạn pháp do tâm tạo** ». Dĩ nhiên, việc này không tránh khỏi nét chủ quan. Tuy nhiên, trong sự truyền thông trao đổi giữa con người với con người, thì không thể không dùng đến những khái niệm (những hí luận!), ngôn từ để lý giải, đồng thời vẫn ý thức được sự hạn hẹp của lối tiếp cận này. Chúng ta sẽ không tìm hiểu chi tiết về sự chuyển biến trong nhất thiết chủng thức để hình thành vạn hữu, vì nó là 'bất khả tri' theo HT Thích Từ Thông. Chúng ta chỉ dùng những thí dụ thiết thực trong cuộc sống để hiểu sự chuyển biến đó, tức là sự liên hệ giữa tàng thức và vạn pháp qua một số khái niệm (hí luận).

Trong kinh điển Nam Tông, có hai phái nói về sự liên hệ này. Đó là phái Vaibhasika (phái Nhất Thiết Hữu, Tỳ Bà Sa) và phái Sautrantika (Kinh Lượng). Tâm được xem như một tập hợp của những sát na tâm niệm khởi, do đó được gọi là dòng tâm thức. Còn sắc tướng chỉ có thật theo nghĩa tương đối, thực thể tối hậu của chúng gồm những vi trần không thể chia nhỏ hơn được : đất, nước, lửa, gió và không gian. Những hạt vi trần này có thật, nhưng không phải là vật được sáng tạo.

Những sự khác biệt giữa hai phái là ở quan niệm về tính chất thật của sự liên hệ giữa tâm và đối tượng. Phái Vaibhasika cho rằng có sự liên hệ trực tiếp giữa lục thức và lục trần.

Phái Sautrantika không công nhận sự liên hệ trực tiếp đó, vì tâm và vật chất không cùng tính chất, do đó kiến thức về vật chất bên ngoài phải xảy ra với một tiến trình khác hơn là sự liên lạc trực tiếp giữa tâm và vật. Theo ý kiến của phái Sautrantika, đối tượng vật chất là một hình ảnh được ghi nhận bởi tâm thức, hình ảnh này sẽ là hệ quả tự nhiên của sự hiện hữu các đối tượng đó, nó có thể được cảm nhận bởi tâm vì nó có cùng tính chất với tâm.

Cái hệ quả tự nhiên của vạn pháp (phái Sautrantika) được Duy Thức diễn tả qua quá trình duy thức biến. Đó là sự chuyển biến sinh hoá, tức là những tác động qua lại với nhau của những chủng tử trong tàng thức, mà hình thành sự vật hiện tượng vạn pháp.

Vì vậy, câu ‘vạn pháp do tâm sanh’ ra là tư tưởng của phái Sautratika (của kinh Hoa Nghiêm, ...), còn câu ‘vạn pháp duy thức’ là của Duy Thức học. Có sự khác nhau giữa hai tư tưởng này.

Theo Duy Thức học, ngoài thức không có gì hết (không có hiện hữu). Vì sự không hiểu biết của tâm về tính chất thật của chính mình làm phát sinh các cảnh giới và các loại chúng sinh sống trong cõi đó. Một thế giới hình thành như vậy là do sự phóng chiếu của tâm. Nếu không có thức là không có sự phóng chiếu, là không có gì hết. Đó là Duy Thức.

Còn theo phái Sautratika sắc tướng có thật theo nghĩa tương đối qua những vi trần. Giáo lý Sautratika (hay Nam tông) có thể đưa hành giả tới quả vị La Hán qua thiền định, để phá chấp ngã pháp và ngã thân. Sắc tướng (Nam tông) gồm có sắc tướng có sự sống và sắc tướng không có sự sống. Sắc tướng có sự sống diễn tả sự liên hệ giữa tâm và vật. Khi hành giả chứng được quả vị La Hán rồi, sắc tướng không sự sống vẫn hiện hữu qua những vi trần. Theo giáo lý Bát Nhã, một quan niệm như vậy gây chướng ngại cho việc thực hiện Pháp quả. Nhưng không sao, vì kinh điển nói rằng : các vị La Hán sẽ chìm vào trạng thái thiền định không dứt, rồi những vị ấy sẽ nhận ra sự chưa hẳn giác ngộ của họ, để sửa đổi quan niệm mà vén lên tấm màn cuối cùng che phủ giác ngộ viên mãn.

(.....)

Trong phần kế tiếp, bài viết sẽ nói về sự chuyển biến (chủng tử) của thức, mà hệ quả là vạn hữu. Tức là tâm tạo ra vạn hữu từ sự chuyển biến này.

Nói chung thì tất cả vạn pháp đều được tạo ra từ sự chuyển biến đó (Duy tâm tạo). Cái pháp nào cũng có thể lấy làm thí dụ. Vấn đề là mình hiểu như thế nào qua thí dụ. Như tôi nói sông Loire chảy qua tỉnh Nantes này là do tâm tôi tạo ra, thì làm sao mà hiểu được ? Hay chùa Vạn Hạnh là do tâm tôi tạo. Sự thực là như vậy, nhưng phải hiểu như thế nào ! Chữ ‘tạo’ trong Duy tâm tạo có rất nhiều nghĩa.

Nghe câu ‘vạn pháp do tâm **tạo**’, thường chúng ta tự động thêm chữ ‘ra’, thành ‘vạn pháp do tâm tôi **tạo ra**’, rồi hiểu là tâm của mình làm ra hay chế biến để thành cái pháp đang được nói đến. Nếu pháp đó là một tâm hành như buồn, thương, giận... thì có thể hiểu được. Còn nếu pháp là sự vật đương hiện hữu, thì rất khó hiểu. Như cái bàn này do tôi thiết kế (ý của tâm), rồi tôi tìm những thứ cần thiết (cây, đinh, dụng cụ...) làm thành cái bàn. Nói cái bàn đó là do tâm tôi tạo ra, thì có thể hiểu. Nhưng cũng cái bàn đó, mà do tâm của bạn tạo ra, thì phải hiểu như thế nào ? Bạn có dính giẫm gì với cái bàn ngoài cái thấy (cái bàn) của bạn. Còn nhiều thí dụ khác, như tháp Eiffel, như sông Loire, như chùa Vạn Hạnh....cũng do tâm của tôi (và cũng do tâm của bạn) tạo ra ?? !

Nếu chỉ dựa theo kinh Hoa Nghiêm thôi, thì xin dừng ở đây, vì « bất khả tư nghì » (không thể nghĩ bàn). Nhưng với tư tưởng trong Duy thức học, chúng ta có thể tiếp tục hí luận.

Hiện tượng vạn pháp tồn tại khách quan. Đó là kết quả của chân lý duyên sinh, chuyển biến trong nhất thiết chủng thức. Nhất thiết chủng thức, "Sở tàng", nó vừa là nguyên nhân để duyên sinh sự vật, vừa là kết quả, hình thành chính thể vô vàn sự vật, vạn tượng sum la trước mắt. Vạn pháp là sản phẩm duyên sinh từ Nhất thiết chủng thức, con người cũng là sản phẩm duyên sinh như vậy; khác nhau ở điểm, con người hữu tình, có "tình thức" để nhận thức sự vật và nhận thức cả chính mình. Vạn pháp là vô tình, chỉ là "sở phân biệt", đối tượng bị nhận thức của con người.

Trong kinh Hoa Nghiêm, có danh từ Duy Tâm (Citta matra), mà Duy tâm cũng có nghĩa là Ý và cũng có nghĩa là Thức. Rồi đến Duy thức học (môn học về pháp tướng, Vijnanavada), các luận sư nhìn tâm theo tác dụng của nó. Vì vậy, mà tâm có thể có ba thức hay có thể có tám thức. Nói thức chỉ có một cũng đúng, nói thức có hai cũng đúng, nói ba cũng đúng, nói thức có tám hay có chín cũng đúng. Các điều này không có chống đối nhau. Vì vậy có những nguồn tuệ giác khác nhau. Tùy theo tuệ giác và cách trình bày của người diễn dịch về thức và những tuệ giác đó không hẳn chống đối nhau mà nó sẽ bổ túc cho nhau.

Bây giờ chúng ta dùng tâm với ba tác dụng của nó : Tâm (Citta), Ý (Manovijnana) và Thức (Cita Manavijnana).

Tâm là dị thực là năng tàng là sở tàng là ngã ái chấp tàng là nhất thiết chủng. **Ý** là Tư lương, ghi ôm chặt dính mắc vào tâm. **Thức** là gồm tất cả nhận thức (năm tiền ngũ thức) từ ngoài đưa vào và ý thức từ trong biểu hiện ra. Có một điều rất căn bản mà ta cần biết về **thức** là nhận luôn luôn gồm chủ thể nhận thức và đối tượng nhận thức. Biết thì luôn luôn có người biết và đối tượng được biết đến. Ý thức thì phải biết ý thức về cái gì. Điều này không dễ hiểu đâu, trong kinh nói là cần có trực nhận đích thực bằng kinh nghiệm sống của mình chứ không phải bằng ý niệm. Vì vậy, bài viết này dùng dùng những ý niệm, nên chúng được gọi là hí luận.

Trong bài này, chữ 'Tâm' sẽ dùng dưới dạng **Thức**. Dưới dạng này, chữ 'thức' sẽ được dùng để chỉ : cảm nhận, hiểu, biết, để tiếp xúc với đối tượng của thức. Như vậy, câu 'Vạn pháp duy thức' sẽ được hiểu như : Vạn pháp được *cảm nhận*, được *hiểu*, được *biết*, được *tiếp xúc* đối tượng bởi tâm. Nói cách khác, tâm cảm nhận đối tượng (pháp), tâm hiểu đối tượng (pháp)..... Tâm là thức (chủ thể, sự phân biệt) đi chung với đối tượng (pháp, sự bị phân biệt). Khi có sự chuyển biến của thức (sự sanh ra thức), là có sự phân biệt và sự bị phân biệt của tâm. Sự phân biệt hình thành do sự chuyển biến trong nhất thiết chủng thức (năng tàng), nó vừa là nguyên nhân để duyên sinh sự vật, vừa là kết quả của vạn tượng sum la trước mắt (sở tàng).

Khi tôi biết (hay cảm nhận...) đối tượng, tức là tâm sanh ra đối tượng, vì có cái biết, nên có sự chuyển biến của thức, và năng tàng với sở tàng phát sinh cùng một lúc. Khi nói về các đối tượng cảm giác, chúng ta phải nhớ rằng tâm cũng có khả năng riêng của nó với sự nhận biết này kiến lập ý niệm từ thông tin mà tâm nhận được qua năm khả năng cảm giác kia (nhãn thức, nhĩ thức v.v...). Những đối tượng của tâm hay ý thức (thức thứ sáu) thì được gọi là "**Pháp**", một pháp trong trường hợp này được định nghĩa là một sự vật gì có thể được nhận biết bởi khả năng tâm.

Thí dụ sau đây cho thấy sự liên quan giữa một trong năm cảm giác và ý thức. Như khi nhìn chùa Vạn Hạnh, trước hết chùa là một hình thể tự lộ diện với khả năng của thị giác, nó được nhận ra là một hình thể (chỉ hình thể thôi, chưa là chùa hay là gì khác) bởi nhãn thức và nó được truyền tới ý thức như một pháp (một hiện tượng). Ý thức là một chuyển thức, phát sinh từ thức thứ bảy (mạt na thức, chủ quan). Sự chuyển thức của ý thức là sự giao động của những chủng tử trong tàng thức, để có ý niệm về đối tượng cần được biết. Ý niệm đó phát sinh từ những kinh nghiệm quá khứ (dưới dạng những chủng tử sẵn có), mà tâm nhận ra rằng hình ảnh chuyển tới nó không phải là một cái nhà bình thường, mà cũng không phải là một siêu thị, mà là cái chùa (tâm tạo ra chùa).

Vậy ý thức và sự biết của ý thức có chức năng **ý niệm hóa** các vật đối tượng và cảm nhận chúng là vật này hay vật kia bằng cách phân biệt một vật với những vật khác. Ý thức cũng là tâm qua sự chuyển thức, còn được gọi là dị thực thức. Ý thức cũng đánh giá các đối tượng, phán xét chúng là

đáng ưa thích, không đáng hài lòng, hay trung tính, từ đó sinh ra những phản ứng tham muốn hay tránh né.

Sự nhận biết của năm cảm giác kia không liên can gì tới việc ý niệm hóa này, chúng chỉ biết về sắc, thanh, hương, vị, xúc. Vì vậy việc ý niệm hóa của ý thức chịu trách nhiệm cho sự cảm nhận thế giới quanh chúng ta. Thí dụ lấy trong kinh điển, cọp cái chỉ có tính chất hấp dẫn đối với con cọp đực, chứ không với một người hay một con vật nào khác, vì sự hấp dẫn đó phát sinh từ việc ý niệm hóa từ ý thức của con cọp đực (tâm cọp đực tạo ra cọp cái).

Vậy, thế giới quanh chúng ta được vẽ lên bởi hoạt động ý niệm hóa của tâm. Những ý niệm hóa này là những pháp tạo ra thế gian. Hay Vạn Pháp duy tâm (thức).

Đối tượng này (sở tàng) có thể đang biểu hiện hay chưa biểu hiện. Thí dụ, khi tôi còn ở Việt Nam, tôi nghe nói về sông Loire chảy qua tỉnh Nantes này. Khi ấy, trong tàng thức của tôi đã có những chủng tử về sông Loire, mà trong kinh điển gọi những chủng tử này là định danh (năng tàng). Mỗi định danh đều có tướng trạng (sở tàng) của nó, tức là hình ảnh do tàng thức hợp lại làm thành. Lúc bấy giờ, chắc tướng trạng về sông Loire của tôi không khác với sông Đồng Nai mấy ! Như vậy, tâm tôi đã tạo ra sông Loire 'Việt Nam' rồi, nhưng nó chưa biểu hiện. Rồi khi sang Pháp, đến tỉnh Nantes, sông Loire biểu hiện trước mắt, tâm tôi mới thực sự tạo ra sông Loire.

Nếu có ai bảo rằng sông Loire có trước khi tôi chào đời, tức là họ muốn nói : không cần tâm tôi sanh ra, sông Loire đã có rồi, đâu cần tâm tôi tạo. Thì cũng không sao, vì nếu tôi chưa có mặt, tức chưa có tâm (thức), thì đối tượng của tâm có hay không sẽ không thành vấn đề.

Trong cách suy luận như trên, chúng ta có thể nói : tâm tôi tạo ra những hành tinh xa xôi như Mars, Jupiter..., và những vi trùng bé nhỏ....Rồi sau đó ...tâm tôi tạo ra vạn pháp.

Danh xưng là một loại hạt giống. Tướng trạng là một loại khác. Danh xưng là tên gọi của một sự vật. Trong tâm thức hay tàng thức của ta, ta có đủ thứ hạt giống về tên gọi, ví dụ ta có một hạt giống của tên gọi cái này là núi, cái kia là sông, người tỉnh là Phật, người mẹ là Ma, người như vậy thì gọi là cha, người kia là mẹ. Đó là những hạt giống về danh xưng. Đối với loại người những hạt giống về danh xưng rất quan trọng. Mỗi hạt giống về danh xưng có thể làm phát khởi trong ta những hạt giống khác. Gọi là hạt giống về tướng trạng. Danh xưng có gốc từ nhĩ thức (audio) và tướng trạng có gốc từ nhãn thức, hình ảnh (visuel). Ví dụ trong tàng thức chúng ta đang có hạt giống vừa danh xưng Paris mà cũng vừa tướng trạng Paris. Vừa có người động đến chữ Paris tức là họ động đến hạt giống danh xưng Paris thì ta có thêm về hình ảnh Paris như là tháp Eiffel, nhà thờ Notre Dame. Đó là hạt giống tướng trạng ta đang nằm trong tàng thức ta đầy đủ hết.

Như vậy, thí dụ khi ta nghe (có nhĩ thức phát sanh) một định danh (của người mình không ưa), thì tâm ta tạo ra hình ảnh để ghét về người đó (tướng trạng) trước khi tiếp xúc, rồi có những hành động chủ quan với cái định danh đó.

Vậy khi có thức, thì có một sự (pháp) được nói đến hay được sanh ra. Chất lượng và hình thái của sự tùy thuộc vào thức. Nếu thức thanh tịnh, thì sự (vạn pháp) thanh tịnh, nghĩa là sự với tự tánh không (sự là sự không thêm bớt). Thức và sự là một (dung thông) hay Lý Sự vô ngại pháp giới của kinh Hoa Nghiêm. Nếu thức vọng, thì sự hoạt hiện sai biệt (sự được sửa lại bởi thức vọng), hình hình sắc sắc, trùng trùng duyên khởi, cái này có cái kia có như lưới để châu.

Còn một vấn đề khác : Thức của tôi sẽ sanh ra cái sự của tôi và cái sự của tôi dĩ nhiên sẽ khác cái sự của bạn, vì thức của tôi không thể giống với thức của bạn. Như chùa Vạn Hạnh do tâm (thức) của tôi sanh ra sẽ khác với chùa Vạn Hạnh do tâm của bạn tạo ra. Trong cái sự (pháp) đang biểu hiện, có cái chung và cái riêng. Người ta còn gọi cái riêng là biệt biểu và cái chung là cộng biểu. Để nói về biệt biểu và cộng biểu, chúng cần biết về cái năng lượng của đối tượng tạo ra bởi tâm. Cái đối tượng đó, người ta gọi nó là Biểu Sắc.

(...Duy Biểu học...)

Theo HT Thích Nhất Hạnh [3] qua năm mươi bài tụng Duy Biểu của tác giả, có hai tiếng Phạn có thể dịch thành thức. Tiếng thứ nhất là vijnana, tiếng thứ hai là vijnapti. Tiền từ **vi** có nghĩa là phân biệt, xét đoán, nhận thức. Bất cứ chữ nào có chữ vi ở đầu đều có nghĩa như vậy. Ví dụ như tàng thức dịch là alayavijnana. Chữ thứ hai là vijnapti có thể dịch là thức, cũng có thể dịch là biểu. Chữ biểu có thể dịch là manifestations, perceptions, announcing, nghĩa là làm cho có mặt.

Vijnapti là Biểu Biệt. Biệt này có nghĩa là phân biệt. Vi là phân biệt nên dịch là perceptions. Biểu là biểu hiện cho mình thấy. Ví dụ như cái giận của mình, nó luôn có hạt giống trong tâm của mình, thức hay ngũ mình đều mang theo hạt giống đó trong tâm, nhưng mà nó chưa biểu hiện. Chỉ khi nào có cơ hội, có điều kiện thì mới bùng bùng nổi giận, khi đó gọi là Biểu.

Khi mà vật chất hình tướng, biểu hiện ra rồi thì gọi là vijnapti-rupa, gọi là Biểu sắc. Sắc đây là màu sắc, hình dáng: forme. Sắc cũng có nghĩa là năng lượng: energie. Khi nó biểu hiện cho mình thấy thì gọi nó là biểu sắc (*vijnaptirupa*). Thức như vậy là một loại Sắc chứ không hẳn chỉ là Tâm thôi. Vì vậy nếu có người nghĩ Thức chỉ là Tâm thôi mà Tâm thì không thể là Sắc và nghĩ làm Duy Thức là Duy Tâm là rất sai.

Như vậy, **Thức** là năng lượng và có nhiều thứ năng lượng. Có những năng lượng biểu hiện ra ngoài và mình thấy được, có những năng lượng chưa biểu hiện và mình chưa thấy. Thức biểu hiện nhiều cái rất ngộ nghĩnh. Sông núi là biểu hiện của thức. Một nền dân chủ là biểu hiện của thức. Thị trường chứng khoán ở NewYork, Paris, London đều là biểu hiện của thức. Thức của mình, cái vijnaption phải dịch là Biểu Biệt là nó vừa là biểu hiện vừa có khả năng nhận thức (tức phân biệt).

Trong tác phẩm Ba Mươi Bài Tụng Duy Thức có câu như vậy "*Thức nó biểu hiện làm hai phần: phân biệt và bị phân biệt*", dịch là consciousness manifest itself into knowing and known. Thức biểu hiện ra làm hai phần: phần chủ thể nhận thức và phần đối tượng nhận thức. Consciousness manifestes itself in two part: the knower and the known. "*Thị chư thức chuyển biến, phân biệt sở phân biệt*". Và vì vậy cho nên cả phần phân biệt và phần bị phân biệt đều từ thức mà ra cả. Vì vậy cho nên mới có câu "Chỉ có thức: Duy Thức" là vậy.

Ví dụ như mình nhìn ngọn núi Alpes, mình biết núi Alpes là đối tượng của tri giác, đối tượng của nhận thức. Cố nhiên khi có đối tượng thì phải có chủ thể của thức và hai cái đều là thức cả. Vì vậy mà điều ta muốn nói ở đây thì chư thức chuyển biến, phân biệt sở phân biệt cái thức đó nó chuyển biến thành hai phần là phân biệt và bị phân biệt. Đó là ý nghĩa của chữ Biểu. Biểu hiện ra thành chủ thể phân biệt và đối tượng phân biệt. The subject of knowing and the object of knowing and both subject and object belong to consciousness. (Cố nhất thiết duy thức). Vì vậy cho nên tất cả chỉ là thức, chỉ có biểu biệt. Cho nên cái tên gọi của tác phẩm là Vijnaptimatratra có nghĩa là Duy biểu tụng (biểu này là biểu biệt).

Thời đại của Thầy Vô Trước trong đó Duy Thức chưa được gọi là thực sự Đại thừa, chưa phải là Đại thừa tuyệt đối. Duy Thức của Thầy Thế Thân được sinh đẻ từ tác phẩm A Tỳ Đạt Ma Câu Xá của Tiểu Thừa. Nó là Đại Thừa nhưng chưa đạt tới Đại Thừa Tuyệt Đối. Gọi tạm là Quyền Thừa nhưng chưa là Đại Thừa thật.

Sang đến Trung Hoa, thầy Pháp Tạng sinh sau đẻ muộn hơn Thầy Huyền Trang. Thầy Pháp Tạng chuyên về hệ thống Hoa Nghiêm, Thầy thấy giáo lý Duy Thức quá quan trọng và vì vậy Thầy muốn tuyệt đối Đại Thừa hóa Duy Thức, đem giáo lý Hoa Nghiêm bổ túc cho Duy Thức. Vì vậy trong Hoa Nghiêm Huyền Nghĩa, Thầy đề nghị đưa tư tưởng "*một là tất cả, tất cả là một*" đi vào trong Duy Thức. Nhưng tiếng kêu gọi của Thầy không được kết quả nhiều vì cả ngàn năm về sau người ta vẫn học Duy Thức Tam Thập Tụng như vậy.

[Cuối thế kỷ thứ hai mươi, HT Thích Nhất Hạnh viết thành *Duy Biểu* với tư tưởng Hoa Nghiêm].

(.....)

Trong Duy Thức học, các luận sư nghiên cứu tác dụng của tâm qua những pháp mà tâm tạo ra. Sau đó, khảo sát về tướng của pháp, các luận sư tiếp xúc được những hạt giống của pháp. Mới

đầu, các luận sư nhận thấy có hai loại hạt giống : hạt giống sẵn có và hạt giống mới huân tập. Rồi sau nữa, họ nhận ra các hạt giống mới huân tập đều là những hạt giống sẵn có.

Theo kinh điển, những yếu tố tạo ra sự sống cùng vũ trụ gồm có : địa, thủy, hỏa, phong, không (gian), thời (gian), phương và thức. Mỗi yếu tố chứa các yếu tố khác. Vì vậy, trong Duy thức học, không gian và thời gian không là những thực thể độc lập. Chúng tạo ra bởi thức. Do đó, ý niệm ‘có sẵn’, là có từ lúc không có bắt đầu ! (nghĩa là vô thủy)

Như vậy, tất cả hạt giống tạo ra vạn pháp đều là hạt giống sẵn có. Có những hạt giống mà chúng ta tưởng là mới (tân huân tập), nhưng thực sự nó đã có sẵn. Cho nên nói rằng những hạt giống đó không phải chỉ là kết quả của kinh nghiệm, tại vì kinh nghiệm là kinh nghiệm trong sự sống hằng ngày và những hạt giống đó được gieo trồng vào tâm thức của mình trong đời sống hằng ngày thì đối tượng những kinh nghiệm chỉ là một phần nhỏ của tổng số hạt giống trong ta thôi.

Vạn pháp duy tâm tạo từ hạt giống tân huân tập.

Loại hạt giống mới gieo trồng vào tâm thức qua những kinh nghiệm trong đời sống hằng ngày. Thí dụ như ta không biết hát và nghĩ rằng mình không có hạt giống của sự ca hát, nhưng khi có dịp được ca hát một thời gian thì chẳng những hát được mà còn thích hát nữa. Những hạt giống qua kinh nghiệm như vậy dĩ nhiên không nhiều đối với tổng số hạt giống của tàng thức.

Vạn pháp duy tâm tạo hoàn toàn từ hạt giống sẵn có.

Hạt giống hát nơi mình, mình tưởng nó là hạt giống tân huân, mới trao truyền, kỳ thực sự thật không hẳn như vậy. Mình đã có hạt giống biết hát sẵn có trong mình nhưng hạt giống đó rất yếu và hàng năm năm, mười năm, hàng trăm năm rồi chưa được tưới tẩm và phát triển. Bây giờ vừa được tăng thượng duyên, trợ duyên, những điều kiện thuận lợi, những hạt giống đó được tưới tẩm và mình bỗng thích ca hát và mình nghĩ đó là những hạt giống thuần túy tân huân trao truyền. Nhưng sự thật có phần bản hữu của nó nhưng vì nhờ những điều kiện thuận lợi, những tăng thượng duyên giúp mình phát triển những hạt giống sẵn có trong mình.

Điều này phù hợp với những điều Đức Phật dạy về cái giác tính của mình. Mình tới với thầy, với bạn, với giáo lý giác ngộ và giải thoát và nghĩ rằng những giáo lý giác ngộ và giải thoát là những điều tân huân mới trao truyền. Nhưng kỳ thật mình cũng có những hạt giống đó trong bản tâm và Thầy hay bạn chỉ giúp mình những điều kiện để trở về tiếp xúc với những hạt giống đó và làm cho những hạt giống đó lớn mạnh. Trong kinh điển, người ta còn gọi những hạt giống sẵn có (bản hữu) là ‘bản lai viên mục’ (Phật tánh).

Tàng thức chứa tất cả các loại hạt giống (đều là sẵn có). Bây giờ, chúng ta nói đến hai loại đặc biệt của những hạt giống sẵn có ấy : hạt giống chung và hạt giống riêng của **một** pháp. Chúng ta trở lại cái biệt biểu và cộng biểu về chùa Vạn Hạnh nói ở trên. Cái biệt biểu là cái pháp tạo ra bởi thức của riêng mỗi người. Còn cái cộng biểu là cái pháp tạo ra bởi tâm thức cộng đồng. Để giải thích, xin xem đoạn văn trích trong Duy Biểu sau đây.

(...Duy Biểu...)

Theo HT Thích Nhất Hạnh, cái tâm thức cộng đồng không phải chỉ là tâm thức cộng đồng trong giới hạn không gian. Không những là tánh cách chung của tâm thức ta nó phản chiếu cái nghe, cái thấy, cái nhìn, cái hiểu của người đương thời mà là của cả những thế hệ quá khứ. Cho nên cái danh từ chúng tôi sẵn có (bản hữu) rất quan trọng. Chúng ta không những mang theo xã hội của chúng ta mà cả những xã hội của các thế hệ tổ tiên chúng ta trong chúng ta nữa. Cho nên phạm vi kinh nghiệm chỉ là một phần rất nhỏ trong duy biểu mà thôi. Tại vì phạm vi của kinh nghiệm chỉ là phạm vi của hạt giống trao truyền (tân huân), còn trong Duy biểu thì ngoài hạt giống trao truyền còn hạt giống sẵn có. Hạt giống bản hữu và vì vậy cho nên Duy biểu học nó vượt ra khỏi biên giới chủ nghĩa Duy nghiệm. Tại vì tổ tiên của chúng ta đã kinh nghiệm và những kinh nghiệm của tổ tiên chúng ta đã trao truyền lại cho chúng ta trong những hạt giống mà trước khi sinh ra đời ta đã có sẵn. Khi ta mới đậu thai trong bụng mẹ, ta nhỏ xíu như một hột mè hay nhỏ hơn nữa. Nhưng đùng kình thường. Trong cái hạt nhỏ đó có chứa cả vô lượng biên kinh nghiệm của bao thế hệ đi

trước. Cái vô cùng nhỏ nó chứa đựng cái vô cùng lớn. Thấy được cái điều đó rồi, thấy được chúng sinh thái nhỏ hơn hạt cát mà chứa đựng thời gian vô cùng và không gian vô biên rồi thì mình mới thấy rằng cái việc giữ gìn một thái nhi nó quan trọng biết mấy. Khi mà ý tưởng phá thái nó xuất hiện thì ta biết rằng vũ trụ rung rinh, bởi vì cái hạt cát kia chứa đựng bao nhiêu thế hệ tổ tiên trong đó và chứa đựng bao nhiêu thế hệ tương lai.

(----- dẫn nhập về thí dụ -----)

Khi đọc kinh điển, tôi có thói quen hay liên tưởng đến những nội dung của những sự kiện trong đời sống hàng ngày để cố tìm ra một mối tương quan nào đó với kinh điển, vì tôi nghĩ rằng các bất luận sự thế nào cũng gói gém những nội dung mà họ quan sát trong đời sống vào kinh điển (đạo với đời là một). Có rất nhiều thí dụ về **vạn pháp do tâm tạo**. Tức là thí dụ về sự chuyển biến của chúng tử để hình thành đối tượng.

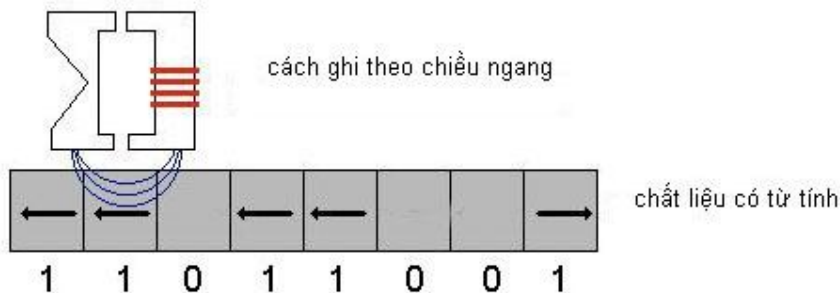
Thí dụ 1 : máy tính, bàn về khái niệm chuyển thức trong Duy Thức.

Thí dụ 2 : mã số (code barre), bàn về khái niệm 'một là tất cả, và tất cả là một' của Duy Biểu.

(-----máy tính ----)

Trong thí dụ, tôi sẽ trình bày những gì chúng ta thấy trên màn hình (écran) của máy tính là do sự chuyển biến của những dữ liệu nằm trong bộ nhớ cứng (disque dure) của máy tính đến màn hình. Qua thí dụ, bộ nhớ dụ cho tàng thức với những chủng tử (dữ liệu), những gì thấy trên màn ảnh dụ cho vạn pháp trong vũ trụ.

Bộ nhớ của máy tính thường hình tròn làm bằng nylon, trên mặt phủ một lớp vật liệu mỏng, có chất từ tính. Và dữ liệu (chủng tử) sẽ nằm trong lớp này.



Khi có điện đi qua, chất liệu ở chỗ đó sẽ ghi dấu vì nó có từ tính. Trạng thái ghi dấu này được xem như có ghi dấu (bằng số 1). Trái lại, chỗ đó không có gì hết, được ghi bằng số 0. Một ô như vậy trên chất liệu được gọi là một **bit**. Trạng thái của một bit hay giá trị của một bit là 0 hay 1, tương ứng với có điện chạy qua hay không có điện.

Một đơn vị của bộ nhớ thường gồm 32 bits kế tiếp. (Hiện tại, Windows 7 dùng 64 bits làm một đơn vị). Đơn vị như vậy sẽ tương ứng với một chủng tử trong thí dụ.



Hệ điều hành (của máy tính) tìm một số chủng tử cần thiết, những chủng tử này không nhất thiết phải nằm cạnh nhau, rồi cho vào bộ nhớ 'làm việc' (mémoire vive). Tại giai đoạn này, các chủng tử đó được xử lý bởi hệ xử lý (CPU, microprocesseur). Có thể xem như ở giai đoạn này, những chủng tử được huấn tập để trở thành hiện hành. Chúng được chuyển hóa ('xào nấu') ở

đây để thành hình ảnh của màn hình. Đó có thể xem các chủng tử bây giờ như những vạn hữu chưa biểu hiện.

Rồi kế tiếp, những chủng tử, giờ đã trở thành hiện hành, được để vào khuôn (carte graphique) như người ta sắp chữ cho máy in trước khi ấn loát, rồi sau nữa chúng sẽ được rọi vào màn hình (in hình) bởi những tube cathodique (phóng những electron lên màn hình) theo mẫu đã sắp ở carte graphique. Và sự in hình này được lập đi lập lại theo chu kỳ của carte graphique (nhiều chục ngàn lần trong một giây). Hiện tượng làm mới hình ở màn hình có thể xem như hiện tượng vô thường của hình ở màn ảnh với những sát na là chu kỳ của carte graphique (balayage).



Nhìn hình ảnh trên màn hình, người không rõ sự cấu tạo của máy tính, có cảm tưởng những hình đó gồm những thực thể độc lập: người, cây, nhà,Cảnh vật xum la vạn tượng, hoạt hiện sai biệt, hình hình sắc sắc Nhưng thật ra, tất cả hình ảnh đó đều huyễn hóa, như hoa trong gương, như trăng trong nước. Chúng có chung một tánh chất: chúng cấu tạo bởi những điểm của màng hình, mà người ta gọi là những pixels (picture élément). Những pixels có những giá trị khác nhau để tạo nhiều màu khác nhau, nằm ở những vị trí khác nhau. Ngoài ra, chúng chẳng có đặc tánh nào khác. Nói cách khác là không có pixels riêng để vẽ người. Hay pixels khác để vẽ cây, hay để vẽ nhà....Chúng đều là những pixels với giá trị khác nhau để tạo nhiều màu khác nhau thôi, không gì khác. Nói cách khác, người, cây, nhà ... đều là ảo. Những pixels tạo cảnh vật đến từ bộ nhớ, và mỗi pixel gồm 32 lô nằm trong vật liệu có chất từ tính trong bộ nhớ.

Triết học Phật giáo (Nam tông) dạy rằng tất cả các sắc tướng chỉ có thật theo nghĩa tương đối, thực tế tối hậu của chúng gồm những vi trần không thể chia nhỏ được, hay những nguyên tử theo nguyên nghĩa của nó là các nguyên tố đã tạo nên những vật chất đó là : đất, nước, lửa, gió, không gian, thời gian, phương và thức. Những hạt vi trần này có thật, nhưng không phải là vật được sáng tạo.

Hình ảnh trên màn hình chỉ chứa một thứ thôi và thứ đó có tánh chất pixel. Từ cái thế giới của màn hình, chúng ta nghiệm ra cái ảo và cái thật của nó. Cái ảo là người, cây, nhà, ...hình hình, sắc sắc....của màn hình. Cái thật là chỉ có những pixels (của màn hình). Và cái thật là không người, không cây, không nhà....

Trong thí dụ vừa qua, chúng ta nói về sự chuyển hóa (thành hình) của một cảnh hay của một cuốn phim. Trong thực tế, ở tạng thức có nhiều 'cuốn phim' (dòng tâm thức). Mà mỗi sát na, tâm chỉ có thể 'chiếu' một phim thôi. Nhưng ở sát na kế tiếp, không có gì bảo đảm là tâm không chiếu phim khác, rồi sát na sau lại thay phim khác nữa. Cái sự đổi phim không ngừng này, người ta gọi là tâm vương ý mã. Nếu chúng ta muốn xem chỉ một phim thôi, chẳng hạn để nghiên ngẫm về cốt chuyện trong phim đó, chúng ta phải làm chủ được cái tâm của mình, thì mới bảo được nó, mà ra lệnh cho nó chiếu phim mình muốn. Muốn thế phải tu, pháp môn thiền chẳng hạn, để có niệm, có định, mà định một phim mình muốn xem. Chữ 'niệm' gồm có chữ 'kim' ở trên và chữ 'tâm' ở dưới, bao hàm ý nghĩa chú tâm tới hiện tại, tức là phim đang chiếu (và đừng thay phim khác).

Thử đổi chiếu cái nhìn của chúng ta lên thế giới hiện tượng với cái nhìn của người không biết gì về máy tính. Sống trong thế giới hiện tượng, chúng ta dễ bị cuốn trôi theo trần cảnh, chấp đó là thực hữu, chúng ta bị trần cảnh sai sử để đắm chìm mãi trong sinh tử luân hồi mà không hề hay biết. Chúng ta cứ mãi mê làm diễn viên trên sân khấu cuộc đời, giống như một người không hiểu

tin học tự đánh mất mình khi mãi mê nhìn hình trên máy tính, mà không một lần sực tỉnh để bình tâm thử làm khán giả mà quan sát. Cái thế giới đa thù thiên ban vạn chủng, muôn tía nghìn hồng quanh ta, cái thế giới đang làm ta khổ đau, vui sướng kia, suy đến chỗ rốt ráo cũng chỉ sự hòa hợp của tám đại, của ngũ uẩn theo lý nhân duyên. Nếu suy về bản chất thì cái thế giới hiện đang làm ta mê đắm - vốn do nhân duyên hòa hợp và sinh diệt theo lẽ tự tán vô thường - có khác gì cái thế giới đang hiển thị trên màn hình máy tính, vốn được cấu thành từ hai số 1 và 0 ?



Thử so sánh - dĩ nhiên chỉ là để nhàn đàm - cái thế giới, trong đó ta đang sống, với thế giới trên màn hình máy tính, thì ta thấy rằng : muốn có hình trên màn hình, ít nhất là phải có điện. Điện sẽ là nguồn lực sanh khởi hình ảnh trên màn hình (hay vạn pháp). Vậy điện chính là Vô Minh (cũng là khái niệm “*Nhất niệm khởi*” của Thiền tông) để sanh nghiệp lực.

Vô Minh duyên Hành. Đây là động lực để huân tập chủng tử. Có hành duyên Danh Sắc, mới có vạn pháp.

Còn ở máy tính, điện và hệ điều hành chuyển hóa những bit ở tầng thức, rồi đưa lên màn hình.

Hệ điều hành là một chương trình của máy tính được thiết kế để diễn tả sự diễn biến của tâm, theo công thức nổi tiếng của Niklaus Wirth :

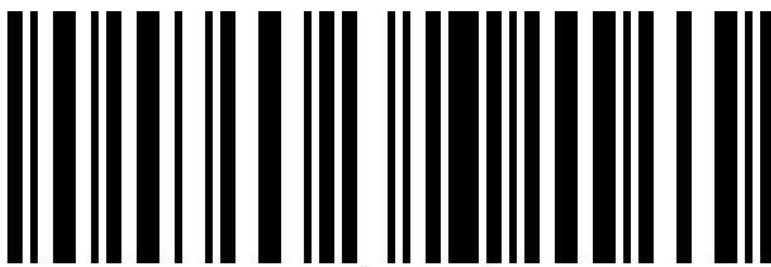
Algorithms + Data Structures = Programs

Thuật toán (*algorithm*) là lý duyên khởi. Data Structures là Cấu trúc Dữ liệu. Nhìn kỹ chương trình của hệ điều hành, khảo sát sự cấu trúc dữ liệu qua những thuật toán dùng đến, chúng ta sẽ chiêm nghiệm về giáo lý duyên khởi qua sự vạn hành của chương trình. Đó là điểm tương đồng với giáo lý “*Tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức*”, hay “*Vạn pháp duy tâm tạo*” của cái học tâm tông, nghĩa là từ tâm mà sinh khởi nên cái thế giới sai biệt đa thù.

Người giác ngộ quan sát vạn pháp thẳng từ những chủng tử ở tầng thức (với tánh Viên thành Thật). Người hiểu tin học nhìn màn hình qua bộ nhớ (với số 1 và 0).

(----- Mã số -----)

Mã số là một dãy số dưới một dãy vạch đậm nhạt dài ngắn khác nhau được in trực tiếp trên sản phẩm hoặc trên một tem dán phần ngoài bao bì đóng gói của sản phẩm.



Người ta dùng mã số trong nhiều lãnh vực khác nhau : ngân hàng, siêu thị, kiểm tra dân số, kiểm tra hàng hóa,

Trong quản lý hàng hóa, người ta gọi dãy số và dãy vạch đó là mã số - mã vạch (MS-MV).

123456789012

1. Mã số hàng hóa (Code Article) là ký hiệu bằng một dãy chữ số nguyên thể hiện như một thẻ để chứng minh hàng hóa về xuất xứ sản xuất, lưu thông của nhà sản xuất trên một quốc gia (vùng) này tới các thị trường trong nước hoặc đến một quốc gia (vùng) khác trên khắp các châu lục. Bởi vậy, mỗi loại hàng hóa sẽ được in vào đó (gắn cho sản phẩm) một dãy số duy nhất. Đây là một sự phân biệt sản phẩm hàng hóa trên từng quốc gia (vùng) khác nhau, tương tự như sự khác biệt về MS điện thoại. Trong viễn thông người ta cũng quy định mã số, mã vùng khác nhau để liên lạc nhanh, đúng, không bị nhầm lẫn.

· Đến nay, trong giao dịch thương mại tồn tại 2 hệ thống cơ bản về MSHH:

a) hệ thống MSHH được sử dụng tại thị trường Hoa Kỳ và Canada.

b) hệ thống MSHH được sử dụng rộng rãi ở các thị trường còn lại của thế giới, đặc biệt là châu Âu, châu Á,...; trong đó phổ biến là hệ thống EAN (European Article Number).



+ Cấu trúc của EAN-13: một dãy số gồm 13 chữ số nguyên (từ số 0 đến số 9), trong dãy số chia làm 4 nhóm, mỗi nhóm có ý nghĩa như sau :

Nhóm 1: mã số về quốc gia (vùng lãnh thổ)

Nhóm 2: Tiếp theo gồm bốn chữ số là mã số về doanh nghiệp.

Nhóm 3: Tiếp theo gồm năm chữ số là mã số về hàng hóa.

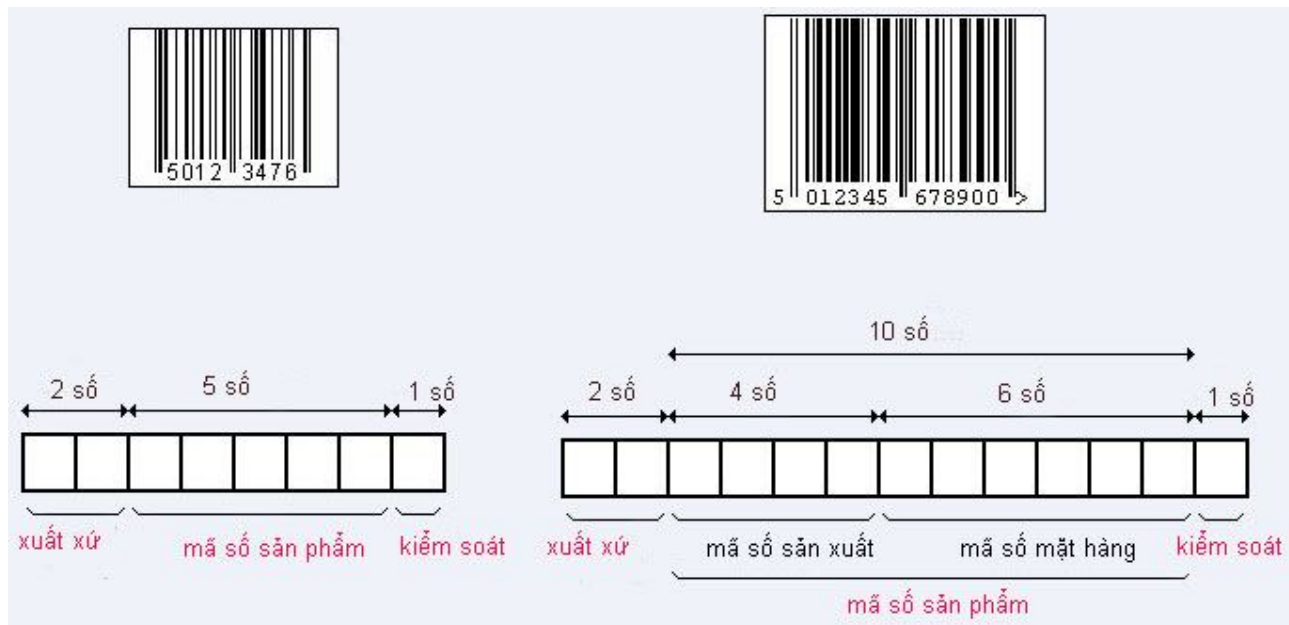
Nhóm 4: Số cuối cùng (bên phải) là số về

kiểm tra

Thí dụ : 893 3481 00106 3

+ Cấu trúc của EAN - 8: Về bản chất tương tự như EAN-13 chỉ khác là EAN-8 gồm 8 chữ số nguyên, tùy theo sắp xếp và lựa chọn các chữ số từ số 0 đến số 9.

2. Mã vạch hàng hóa. Khái niệm về mã vạch (Bar Code): Là hình ảnh tập hợp ký hiệu các vạch (đậm, nhạt, dài, ngắn) thành nhóm vạch và định dạng khác nhau để các máy đọc gắn đầu Laser (như máy quét Scanner) nhận và đọc được các ký hiệu đó. Bằng công nghệ thông tin, các mã vạch này được chuyển hóa và lưu trữ vào ngân hàng Server.



Ở Việt Nam, Chính phủ đã giao cho Bộ Khoa học và Công nghệ là cơ quan quản lý nhà nước về EAN-VN. Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng là đại diện của EAN-VN và là thành viên chính thức của EAN quốc tế. Việc đăng ký và cấp MS-MV cho các doanh nghiệp để gắn trên các sản phẩm đều do cơ quan Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng quản lý, phân phối cho các tổ chức hợp pháp khác thực hiện hoặc cấp trực tiếp cho doanh nghiệp.

Đối với Việt Nam, đi theo MV là MS có 3 chữ số 893, Trung Quốc có mã số 690, Singapore có mã số 888, Vương quốc Anh có mã số 50, các quốc gia Bắc Mỹ thì đăng ký mã số (UPC) của Hoa Kỳ.

(.....)

Người ta dùng mã số theo tư tưởng của kinh Hoa Nghiêm : *một là tất cả, và tất cả là một*. Một là mã số. Tất cả là những gì mà người ta muốn kiểm soát.

Thí dụ trong một siêu thị, mỗi món hàng đều có mã số. Đọc được mã số, người ta biết được tất cả những gì về món hàng, mà người ta đã tích tụ sẵn ở chỗ khác. Như vậy, có thể nói : mã số sanh ra món hàng (như duy tâm tạo). Tất cả (các món hàng) là một (mã số).

Trong trường hợp ứng dụng mã số với máy tính, người ta ghi vào bộ nhớ của máy tính tất cả những gì muốn biết về một món hàng, và tất cả món hàng đều được ghi như vậy. Khi cần biết một dữ liệu về món hàng nào đó, thí dụ muốn biết về giá của món hàng chẳng hạn, trước hết hệ điều hành đọc mã số để nhận diện món hàng muốn biết và đọc dữ liệu muốn biết (giá của món hàng). Tất cả những gì cần biết đều nằm ở mã số, qua những số ở vị trí khác nhau. Từ đó, hệ điều hành biết được địa chỉ trong bộ nhớ của cái mà nó phải tìm, rồi nó mang lên bộ nhớ làm việc (mémoire vive).....rồi sau nữa chuyển lên màn hình như thí dụ ở trên.

Trong thí dụ vừa qua, chúng ta chỉ qua một 'gian đoạn' thôi. Nghĩa là một với một, chứ chưa là *một là tất cả*.

Muốn tiến thêm, trong thí dụ vừa qua chúng ta phải dùng mã số phức tạp hơn. Và món hàng được tích trữ với nhiều tầng dữ liệu. Mỗi dữ liệu cần thiết được lưu trữ với nhiều chi tiết (tức dữ liệu khác nữa)..... Như trùng trùng duyên khởi, hay tương tức tương nhập !

(.....)

Tâm tạo ra vạn pháp. Pháp có thể là sự vật hay hành động. Nói tới hành động là nói đến nghiệp. Triết gia Jean Paul Sartres của Pháp nói rằng : « con người là tổng thể tất cả những hành động của mình » (L'homme est la somme de ses actes).

Cái hành động đây theo danh từ Phật học là Nghiệp (karma). Nghiệp có nghĩa là hành động. Khi mà hành động đó là một nhân thì gọi đó là karma hetu (nghiệp nhân). Khi mà hành động đó đưa tới kết quả thì gọi là karma phala (nghiệp quả). Nghiệp nhân và nghiệp quả và con người là tổng thể của những nghiệp của mình mà nghiệp đây có thể là hạt giống. Bất cứ một thân nghiệp, một ý nghiệp, khẩu nghiệp nào của mình cũng gieo vào trong mình những hạt giống cả. Giá trị của một con người tùy thuộc vào giá trị hành động của mình. Giá trị của một đời người, tùy thuộc vào phẩm chất mọi hạt giống đang nằm trong chiều sâu tâm thức. Tại cái nghiệp nhân và nghiệp quả của mình, nó nằm hoàn toàn trong tâm thức của mình. Nó không mất đi đâu cả. Tất cả những hành động của mình đều được cất giữ và duy trì trong tàng thức của mình. Tại vì tàng thức của mình có tác dụng giữ lại và duy trì.

Cách thức tu học là chuyển hóa những hạt giống không đẹp, bằng cách khơi dậy những hạt giống tươi mát tốt đẹp, những hạt giống mà lâu nay không động tới. Khi những hạt giống tốt hiện hành nhiều, nó sẽ che lấp những hạt giống xấu.

Vậy, từ cái « tâm tạo » của một người, chúng ta có thể có ý niệm về giá trị của con người đó, tức là giá trị của những hạt giống của họ.

[1] . Kinh Hoa Nghiêm – Hòa thượng Thích Trí Tịnh, www.thuvienhoasen.org

[2] . Duy Thức học yếu luận – Hòa Thượng Thích Từ Thông, www.thuvienhoasen.org

[3] . 50 bài tụng Duy Biểu – Hòa Thượng Thích Nhất Hạnh, www.thuvien-thichnhathanh.org